

Bản án số: **15/2022/HS-ST**
Ngày 03-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Oai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trương Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 17/02/2022 đối với bị cáo:

Thái Minh H; sinh năm: 1994 tại Ninh Hòa, Khánh Hòa; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường N, thị xã N, tỉnh K. Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thái Phi H (sinh năm: 1962) và bà Võ Thị A (sinh năm: 1971); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

** Bị hại:*

1/ Ông **Thái Phi K** – sinh năm 1975

2/ Bà **Huỳnh Thị Ái T** – sinh năm 1984

Cùng trú tại: Tổ dân phố 12, phường N, thị xã N, tỉnh K. Ông K vắng mặt, bà T có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Phùng Thị Thi T** – sinh năm 1983

Trú tại: Tổ dân phố 02, phường N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

2/ Ông **Nguyễn Minh H** – sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

3/ Ông **Thái Phi H** – sinh năm 1962

Trú tại: Tổ dân phố 12, phường N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

** Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Thành V** – sinh năm 1993; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Để có tiền trả nợ và tiêu xài, khoảng 09 giờ sáng ngày 12/7/2020 Thái Minh H nảy sinh ý định mượn xe mô tô của ông Thái Minh K (chú ruột H) để mang đi cầm cố. Khi đến gặp ông K tại nhà ở Tổ dân phố 12, phường Ninh Hiệp, H nói dối với ông K là mượn xe mô tô để đi chợ, tưởng thật nên ông K đã đưa xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 133.23 cho H mượn. Sau khi lấy được xe, H mang đến cửa hàng xe máy H của ông Nguyễn Minh H tại Tổ dân phố 11, phường N cầm cố lấy số tiền 7.000.000 đồng rồi bỏ đi khỏi địa phương. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, không thấy H trả xe nên vợ chồng K đi tìm thì thấy xe mô tô của mình tại cửa hàng xe máy H nên đã trình báo Cơ quan Công an. Tại bản kết luận định giá tài sản số 87/KL – HĐĐGTS ngày 12/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Ninh Hòa kết luận xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 133.23 trị giá 14.665.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Minh H có hành vi nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 133.23 nhưng không biết rõ tài sản là do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 133.23 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa ra quyết định xử lý trả lại chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Thái Minh K, Huỳnh Thị Ái T đã nhận số tiền bồi thường 7.100.000 đồng của Thái Minh H và không yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Thái Minh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thái Minh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Thái Minh H thống nhất hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố. Bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Bị hại Thái Phi K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh H, người làm chứng ông Nguyễn Thành V vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ, và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Đề có tiền trả nợ và tiêu xài, bị cáo đã nảy sinh ý định mượn xe mô tô của ông Thái Minh K (chú ruột H) để mang đi cầm cố. Sau đó đã có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 133.23 trị giá 14.665.000 đồng của ông Thái Phi K và bà Huỳnh Thị Ái T mang đi cầm cố lấy số tiền 7.000.000 đồng rồi bỏ đi khỏi địa phương. Hành vi của Thái Minh H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Minh H mặc dù có hành vi nhận cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 133.23 nhưng không biết rõ tài sản là do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Xét bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, sau khi phạm tội bị cáo bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho việc tiến hành điều tra. Nên cần phải xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 7.100.000đ. Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu và được bị hại yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa đã trả lại cho bị hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 106, 292, 293, 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử phạt: Bị cáo Thái Minh H **09** (chín) **tháng** tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hòa đã trả lại cho bị hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Thái Minh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn; hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Oai